

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

SỐ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN	
Số:	4576
Ngày:	02/8/18
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHOẢ X, KỶ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 2576/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh về việc đề nghị quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Nghị quyết này Quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Đối với tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được áp dụng đối với các tài sản được quy định tại Khoản 1 Điều 69,

Khoản 2 Điều 70 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

d) Máy móc, thiết bị.

e) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

g) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Các tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Cấp có thẩm quyền được phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý sử dụng tài sản công.

Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại Nghị quyết này, gồm:

1. Thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Thẩm quyền thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của tỉnh; lực lượng vũ trang; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh); Chủ tịch UBND cấp huyện.

3. Thẩm quyền thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh hoặc trực thuộc UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 3. Nội dung phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

Tài sản là quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

Tài sản là xe ô tô; tàu, thuyền, ca nô.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có đơn giá hoặc tổng giá trị mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định mua sắm đối với tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có đơn giá hoặc tổng giá trị mua sắm dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh hoặc trực thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định mua sắm tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có đơn giá hoặc tổng giá trị mua sắm dưới 100 triệu đồng.

d) Các nội dung phân cấp tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp tài sản là tàu, thuyền, ca nô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản khác được mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Thẩm quyền quyết định mua sắm các loại tài sản trong trường hợp này được thực hiện theo phân cấp tại điểm c Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, UBND cấp huyện.

Tài sản là xe ô tô; phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản khác có mức giá thuê trong hợp đồng từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định thuê tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở

dữ liệu, tài sản khác có mức giá thuê trong hợp đồng dưới 100 triệu đồng/năm (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

c) Các nội dung phân cấp tại điểm a, b Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thuê tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản trong trường hợp này được thực hiện theo phân cấp tại điểm c Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (riêng thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đất được giao để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp mà tiến độ sử dụng đất bị chậm phải thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai).

Tài sản là xe ô tô, tàu, thuyền, ca nô.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với:

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh đang trực tiếp quản lý, sử dụng (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

Tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, UBND cấp huyện quản lý phải thu hồi nhưng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, UBND cấp huyện không thu hồi.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định đối với tài sản do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đang quản lý, sử dụng có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính).

4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

Tài sản là xe ô tô, tàu, thuyền, ca nô.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với:

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định đối với tài sản do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đang quản lý, sử dụng (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính).

5. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

Tài sản là quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

Tài sản là xe ô tô; tàu, thuyền, ca nô.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định bán tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán

dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 khối tỉnh hoặc trực thuộc UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định bán tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

d) Các nội dung phân cấp tại điểm a, b, c Khoản 5 Điều này không áp dụng đối với trường hợp tài sản là tàu, thuyền, ca nô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản khác được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập. Thẩm quyền quyết định bán các loại tài sản trong trường hợp này được thực hiện theo phân cấp tại Khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ trường hợp thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cơ quan thẩm quyền có quyết định cho tháo dỡ để đầu tư xây dựng công trình mới).

Tài sản là xe ô tô; tàu, thuyền, ca nô.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định thanh lý tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 khối tỉnh hoặc trực thuộc UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý tài sản là phương tiện vận tải khác;

máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

d) Các nội dung phân cấp tại điểm a, b, c Khoản 6 Điều này không áp dụng đối với trường hợp tài sản là tàu, thuyền, ca nô có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và các loại sản khác do đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng. Thẩm quyền quyết định thanh lý các loại tài sản trong trường hợp này được thực hiện theo phân cấp tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công.

Tài sản công do cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định tiêu hủy tài sản công theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với:

Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

Tài sản là xe ô tô, tàu, thuyền, ca nô.

Tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán cấp 1 của khối tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong phạm vi quản lý, quyết định đối với tài sản là phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

9. Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 4. Các nội dung khác liên quan đến trình tự, thủ tục quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, (TH.09) T.Duy.

160

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Mạnh Hùng**